TOA AN NHAN DAN
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: 199/2024/DS-PT
Ngày 14 - 3 -2024
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Hồng

Ông Tôn Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dântỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 566/2023/TLPT-DS ngày 01/12/2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 131/2023/DS-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 460/2024/QĐ-PT ngày 01/02/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Ấp Q, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bà Đoàn Thúy H, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Số B ấp Q, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1954. Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre; (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972. Địa chỉ: ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Lê Thị Anh T1, sinh năm 1996. Địa chỉ: Số I, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre; (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Trần Thị Cẩm T2- Luật sư – Văn phòng luật sư Nguyễn Trần thuộc Đoàn luật sư tỉnh B; (Có mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T *trình bày:*

Do có quen biết, ngày 23/11/2022 ông Lê Văn Đ và bà Đoàn Thúy H có cho bà Nguyễn Thị L vay số tiền 1.609.000.000 đồng, mục đích vay để sinh hoạt gia đình, hai bên không thỏa thuận lãi suất. Bà L hứa đến cuối tháng 12/2022 (âm lịch) sẽ trả số tiền trên cho ông Đ, bà H. Khi vay tiền bà L có viết giấy tay nhận nợ và hẹn đến ngày 30/01/2023 (âm lịch)sẽ trả cho ông Đ, bà Hằng số tiền 1.000.000.000 đồng, nhưng không thực hiện. Ông Đ, bà H đã nhiều lần yêu cầu bà L trả số tiền vay nhưng bà L vẫn không thực hiện. Do đó, ông Đ, bàHằng khởi kiện yêu cầu bà L có nghĩa vụ trả cho ông, bà số tiền 1.609.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Yêu cầu Tòa án tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 30/2023/QĐ-ADBPKCTT ngày 21/9/2023 cho đến khi bà L trả xong số tiền trên cho ông Đ, bà H.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L *đã được triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến nên không có lời trình bày.*

Do không hòa giải được, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 131/2023/DS-ST ngày 22/9/2023, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 92, Điều 227,Điều 228của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Đ, *bà* Đoàn Thúy H *đối với bà* Nguyễn Thị L.

Cụ thể tuyên:

1. Buộc bà Nguyễn Thị L1 *có nghĩa vụ trả cho ông* Lê Văn Đ, *bà* Đoàn Thúy Hằng s *tiền 1.609.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm lẻ chín triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.*

2. Chi phí tố tụng số tiền 2.340.000 đồng bà Nguyễn Thị L *phải chịu. Ông* Đ, *bà* H *đã nộp xong số tiền này nên bà* L *phải có nghĩa vụ hoàn lại số tiền này cho ông* Đ, *bà* H.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Tiếp tục duy trì việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 30/2023/QĐ-ADBPKCTT ngày 21/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam cho đến khi có căn cứ hủy bỏ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25/10/2023, bị đơn bà Nguyễn Thị L kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn Đ, bà Đoàn Thúy H.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Văn Đ, bà Đoàn Thúy H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý kháng cáo của bà L, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết của vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Nguyễn Thị L *trình bày*: Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền củabị đơn bà Nguyễn Thị L có nộp chứng cứ mới thể hiện phía bị đơn chỉ vay của nguyên đơn số tiền 350.000.000 đồng chứ không phải vay 1.609.000.000 đồng, chứng cứ này chưa được công khai ở cấp sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử theo hướng: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị L; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 131/2023/DS-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị L; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị L kháng cáo và gửi thủ tục kháng cáo hợp lệ trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

[1] ÔngLê Văn Đức, bà Đoàn Thúy H cho rằng bà Nguyễn Thị L có vay của ông Đ, bà L số tiền 1.609.000.000 đồng vào ngày 23/11/2022, mục đích vay

để sinh hoạt gia đình. Bà L hứa đến cuối tháng 12/2022 (âm lịch) sẽ trả số tiền trên cho ông Đ, bà H, khi vay bà L có viết giấy tay nhận nợ. Sau khi đến hạn trả tiền bà L không thực hiện nên ông Đ,bà H khởi kiện yêu cầu bà L trả số tiền vay nêu trên và không yêu cầu tính lãi. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Đ, bà H; buộc bà L trả cho ông Đ, bà Hằng số tiền vay 1.609.000.000 đồng. Không đồng ý bản án sơ thẩm nên bà L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông Đ, bà H.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị L:

[2.1] Xét chứng cứ do nguyên đơn ông Đ, bà H cung cấp là giấy viết tay với tiêu đề "Hợp đồng mượn tiền" đề ngày 23/11/2022 có ghi nội dung: bà L có mượn của ông Đ, bà Hằng số tiền 1.609.000.000 đồng, bà L hứa cuối tháng 12 âm lịch sẽ trả số tiền 1.609.000.000 đồng cho ông Đ, bà H. Bà L có ký tên tại mục "Người mượn tiền", ông Đ, bà H có ký tên tại mục "Người cho mượn". Hợp đồng mượn tiền không có công chứng, chứng thực.

[2.2] Tại giấy viết tay có tiêu đề "Giấy hẹn" ngày 30/12/2022 thể hiện nội dung bà L cam kết từ ngày 30/12/2022 đến ngày 30/01/2023 (âm lịch) bà L sẽ trả số tiền 1.000.000.000 đồng cho ông Đ, bà H; cuối biên bản bà L có ký tên xác nhận.

[2.3] Phía nguyên đơn ông Đ, bà H cho rằng chữ ký tại mục "Người mượn tiền" trong giấy viết tay có tiêu đề "Hợp đồng mượn tiền" ngày 23/11/2022 và chữ ký xác nhận tại cuối văn bản trong giấy viết tay có tiêu đề"Giấy hẹn" ngày 30/12/2022 là do bà L ký và viết ra. Nguyên đơn có yêu cầu trưng cầu giám định đối với chữ ký, chữ viết của bà L trong các chứng cứ trên.

[2.4] Tại kết luận giám định số 620/2023/KL-KTHS ngày 14/8/2023 của Phòng K Công an tỉnh B xác định chữ ký, chữ viết mang tên "Nguyễn Thị L" tại mục "Người mượn tiền" trong giấy viết tay có tiêu đề "Hợp đồng mượn tiền" ngày 23/11/2022 và chữ ký, chữ viết xác nhận tại cuối văn bản trong giấy viết tay có tiêu đề "Giấy hẹn" ngày 30/12/2022 mang tên Nguyễn Thị L là do cùng một người ký và viết ra.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tống đạt hợp lệ đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và kết luận giám định số 620/2023/KL-KTHS ngày 14/8/2023 cho bị đơn bà Nguyễn Thị L. Như vậy, bà L đã biết nhưng không có ý kiến trình bày hay phản đối với các chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà L là chị Lê Thị Anh T1 trình bày bà L chỉ vay của ông Đ, bà Hằng số tiền 350.000.000 đồng, lãi suất 15%/tháng, do cộng vốn và lãi nên bà L mới ghi vào hợp đồng mượn tiền của ông Đ, bà H với số tiền 1.609.000.000 đồng, khi làm hợp đồng mượn tiền thì bà L bị phía nguyên đơn ép nên bà L mới viết và ký tên trong hợp đồng mượn số tiền 1.609.000.000 đồng. Đại diện theo ủy quyền của bà L cho rằng chứng cứ chứng minh là những dòng tin nhắn và nội dung giấy ghi mượn tiền 350 triệu đồng là do phía nguyên đơn viết rồi chụp lại gửi qua zalo cho bị

đơn nhận trước thời gian Tòa án cấp sơ thẩm thông báo cho các bên đương sự về việc giao nộp chứng cứ, nhưng phía bị đơn không giao nộp. Xét thấy, các giấy tờ do đại diện theo ủy quyền của bị đơn nộp tại phiên tòa phúc thẩm là chỉ là bản photo, không thể hiện rõ về thời gian cũng như không ghi họ tên của người cho vay và người vay nên không có giá trị chứng minh; chứng cứ này không được phía nguyên đơn thừa nhận; đồng thời phía bị đơn cũng không giao nộp trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm thông báo cho các bên đương sự giao nộp chứng cứ. Do đó, bị đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩmkhông chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, còn người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn thì đề nghị hủy bản án sơ thẩm đều là không có cơ sở để chấp nhận.

Như vậy, có căn cứ xác định thực tế bà L có vay của ông Đ, bà Hằng số tiền 1.609.000.000 đồng như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà L không cung cấp được chứng cứ, chứng minh đã thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền cho ông Đ, bà H. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bà L phải có nghĩa vụ trả cho ông Đ, bà Hằng số tiền 1.609.000.000 đồng là có căn cứ. Ông Đ, bà H không yêu cầu tính lãi nên Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận là phù hợp.

[5] Đối với yêu cầu tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Ngày 19/9/2023, bà H có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời quy định tại khoản 11 Điều 114 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ đối với bà L tài sản là thửa đất 89, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Bến Tre. Sau khi xem xét các chứng cứ nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập xét thấy việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là cần thiết để bảo đảm việc giải quyết vụ án, thi hành án. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 30/2023/QĐ-ADBPKCTT ngày 21/9/2023 là đúng quy định của pháp luật.

Nguyên đơn yêu cầu tiếp tục duy trì việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 30/2023/QĐ-ADBPKCTT ngày 21/9/2023 để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ của bà L và cũng không phát sinh căn cứ để hủy bỏ việc áp dụng này. Do đó, cần tiếp tục duy trì việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 30/2023/QĐ-ADBPKCTT ngày 21/9/2023 cho đến khi có căn cứ hủy bỏ.

[6] Xét thấy, bản án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ; bà Nguyễn Thị L kháng cáo nhưng không có chứng cứ chứng minh tại phiên tòa phúc thẩm nên kháng cáo không có cơ sở để chấp nhận.

[7] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho phía bị đơn tại phiên tòa là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà Nguyễn Thị L. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 131/2023/DS-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm (theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVWQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị L;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 131/2023/DS-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 92, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVWQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Đ, bà Đoàn Thúy H đối với bà Nguyễn Thị L. Cụ thể tuyên:

1. Buộc bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn Đ, bà Đoàn Thúy Hằng s tiền 1.609.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm lẻ chín triệu đồng). Ông Đ, bà H không yêu cầu tính lãi nên ghi nhận.

2. Chi phí tố tụng: Số tiền 2.340.000 đồng bà Nguyễn Thị L phải chịu. Ông Lê Văn Đ, bà Đoàn Thúy H đã nộp xong số tiền này nên bà L phải có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Đ, bà Hằng số tiền 2.340.000 đồng (Hai triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Tiếp tục duy trì việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 30/2023/QĐ-ADBPKCTT ngày 21/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 11

Điều 114 Bộ luật Tố tụng dân sự cho đến khi có quyết định hủy bỏ biện pháp khẩn tạm thời theo quy định tại Điều 138 Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 60.270.000 (Sáu mươi triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng).

4.2. H1 lại cho bà Đoàn Thúy Hằng s tiền tạm ứng án phí là 30.135.000 (Ba mươi triệu một trăm ba mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004671 ngày 04 tháng 04 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

5. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002211 ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Bà L đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Ngọt